

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 135

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Miến nấu cua biển, nầm bào ngư, củ sắn, cải bó xôi, hành ngò
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá lóc chiên sả, nghệ
- Canh chua thịt gà, thơm, cà chua, đậu bắp, bạc hà, me, rau ôm
- Cải caron luộc
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Cháo thịt băm đậu đỏ, khoai lang, mồng tơi, hành ngò

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	600	3,140	18,840
2	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
3	0523	Nước mắm loại I	1,800	4,400	79,200
4	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
5	0004	Gạo tẻ máy	10,200	2,560	261,120
6	0120	Hành lá (hành hoa)	400	5,250	21,000
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	250	8,720	21,800
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
9	0185	Tỏi ta	200	7,460	14,920
10	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cáng...)	1,000	6,280	62,800
11	0038	Miến dong	2,200	5,390	118,580
12	N0779	Cải bó xôi	600	7,980	47,880
13	0027	Củ sắn (khoai mì)	600	3,050	18,300
14	N0778	Nầm bào ngư	500	12,600	63,000
15	N0810	Thịt cua tươi	800	92,400	739,200
16	0515	Nghệ tươi	150	5,460	8,190
17	N6585	Sả băm	250	3,360	8,400
18	N0793	Cá lóc phi lê (cá quả)	4,700	20,060	942,820
19	0108	Bạc hà (Dọc mùng)	900	4,200	37,800
20	0087	Cà chua	2,100	7,350	154,350
21	N0765	Đậu bắp	700	7,350	51,450
22	0147	Quả me chua	300	4,940	14,820
23	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,510	9,765
24	0167	Rau ôm (ngô)	150	4,830	7,245
25	0226	Khóm (Dứa ta)	1,500	2,940	44,100

26	N0772	Thịt ức gà	1,100	12,920	142,120
27	0098	Cải xanh	1,100	4,310	47,410
28	0002	Gạo nếp (loại thường)	1,200	3,050	36,600
29	N0781	Đậu đỏ	300	8,090	24,270
30	0031	Khoai lang	600	4,730	28,380
31	0163	Rau mồng tơi	500	4,100	20,500
32	N0770	Thịt nạc dăm	1,700	18,800	319,600
33	0457	Sữa bột toàn phần	4,509.17	20,500	924,380
34	0646	Bánh pudding	5,400	11,800	637,200
Tổng cộng					4,995,000

Tổng tiền thực phẩm	4,995,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,995,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	679
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	25,123,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	25,123,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan